

Số: /TTr-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức chi đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Thông tư số 151/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ trưởng Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân, Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) ban hành Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định mức chi và kinh phí thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phối hợp giữa UBND các cấp với các cấp Hội Nông dân trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 151/2015/TT-BTC, quy định: “*Mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa theo các quy định hiện hành, căn cứ khả năng ngân sách và tình hình thực tế từng địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể mức chi của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, nhưng không được vượt quá mức chi tối đa quy định tại Thông tư này để thực hiện.*”

Điểm d khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh:

“d) Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật;

c) Quyết định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã; dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;”

Điều a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, quy định HĐND tỉnh ban hành nghị quyết đề nghị: *“Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”*.

Căn cứ quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và các quy định nêu trên; trên cơ sở nội dung tại Mục I của dự thảo Tờ trình, Hội Nông dân tỉnh dự thảo, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND*) là cần thiết, có cơ sở pháp lý.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Nhằm quy định mức chi đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Đồng thời, Nghị quyết tạo cơ sở pháp lý thống nhất để các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự toán, tổ chức quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đúng quy định của pháp luật; bảo đảm nguồn lực tài chính được bố trí kịp thời, sử dụng hiệu quả cho các hoạt động như tuyên truyền, phổ biến pháp luật; tư vấn, trợ giúp pháp lý; hòa giải ở cơ sở; tham gia tiếp công dân, đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân.

Thông qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp giữa chính quyền các cấp với Hội Nông dân, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nông dân; hạn chế phát sinh khiếu kiện phức tạp, kéo dài; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

Việc xây dựng Nghị quyết được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tính hợp

hiển, hợp pháp và thống nhất trong hệ thống pháp luật; phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn của cơ quan Trung ương.

Nghị quyết được xây dựng bám sát nội dung, phạm vi điều chỉnh của Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính; kế thừa các quy định còn phù hợp, đồng thời rà soát, sửa đổi, bổ sung những nội dung không còn phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

Việc quy định mức chi phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định; thực hiện tiết kiệm, hiệu quả; phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương; đồng thời bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình quản lý và sử dụng kinh phí.

Nghị quyết bảo đảm tính khả thi cao, dễ tổ chức triển khai thực hiện, phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương, nhất là khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thông qua việc ban hành Nghị quyết, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phối hợp tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân; phát huy vai trò của Hội Nông dân các cấp trong tham gia quản lý nhà nước, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại cơ sở.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở kết quả rà soát đối chiếu với các quy định pháp lý, các Nghị quyết đã ban hành và thực tiễn triển khai ở địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Văn bản số 5749/UBND-NNMT ngày 08/5/2026 về việc đăng ký xây dựng nghị quyết quy định mức chi đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Hội Nông dân tỉnh tổ chức dự thảo Tờ trình, Nghị quyết và lấy ý kiến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan tại Văn bản số 234-CV/HNDT ngày 08/5/2026, đồng thời gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai để các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh tham gia đóng góp ý kiến dự thảo Tờ trình, Nghị quyết quy định mức chi đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sau khi tổng hợp ý kiến góp ý của các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; Hội Nông dân tỉnh đã nghiên cứu tiếp thu, chỉnh sửa, giải trình, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết và đề nghị Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết tại Văn bản số 239-CV/HNDT ngày 14/5/2026. Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 415/BC-STP ngày 14/5/2026 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Hội Nông dân tỉnh tiếp thu, chỉnh sửa theo nội dung báo cáo thẩm định, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Đối tượng áp dụng

- Ủy ban nhân dân các cấp; các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân các cấp được giao nhiệm vụ phối hợp với Hội Nông dân các cấp trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân quy định tại Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg.

- Hội Nông dân các cấp.

- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Bố cục của Nghị quyết: Gồm có 04 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 2. Quy định mức chi và nội dung chi thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

Điều 4. Điều khoản thi hành.

3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

a) Nội dung chi và mức chi

- Quy định các nội dung chi phục vụ công tác phối hợp theo Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg, bao gồm:

+ Chi tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

+ Chi tổ chức hội nghị, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ;

+ Chi tư vấn, trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở;

+ Chi hỗ trợ hoạt động phối hợp tiếp công dân, tham gia đối thoại, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo;

+ Các nội dung chi khác có liên quan.

- Mức chi cụ thể thực hiện theo các quy định hiện hành của Trung ương và các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

b) Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí bảo đảm hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành; huy động từ các nguồn viện trợ, tài trợ và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

d) Điều khoản thi hành

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó;

Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 30/6/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) quy định mức chi thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực: Do ngân sách tỉnh đảm bảo theo quy định phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Điều kiện đảm bảo việc thi hành Nghị quyết

Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh.

3. Thời gian trình thông qua Nghị quyết

Thời gian dự kiến trình thông qua: Kỳ họp thứ 3 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

(Có gửi kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan)

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định mức chi đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS – HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các sở: TC, TP, NV, KHCN, NNMT;
- Thanh tra tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, C5, N2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Mah Tiệp

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi và kinh phí thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phối hợp giữa Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân;

Căn cứ Thông tư số 151/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân;

Xét Tờ trình số 694/TTr-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo số 111/BC-BPC ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi và kinh phí thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phối hợp giữa Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi và kinh phí thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân các cấp; các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân các cấp được giao nhiệm vụ phối hợp với Hội Nông dân các cấp trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân quy định tại Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg.

b) Hội Nông dân các cấp.

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi

1. Chi xây dựng chương trình, chuyên trang, chuyên mục; in ấn các ấn phẩm, tài liệu; sản xuất, phát hành băng, đĩa để phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; chi thực hiện thông tin, truyền thông trên báo, tạp chí, đài truyền hình, tập san, bản tin, cổng thông tin điện tử: thực hiện theo định mức, đơn giá của các ngành có công việc tương tự và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hằng năm.

2. Chi biên soạn tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật dưới dạng tình huống giải đáp pháp luật; chi biên soạn tin, bài phục vụ việc phát thanh; chi thù lao cho phát thanh viên tuyên truyền pháp luật cho nông dân trên hệ thống loa truyền thanh, phát thanh ở cơ sở; chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật; chi tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật cho nông dân; thi hòa giải viên giỏi; chi cho công tác hòa giải tại cơ sở, gồm: Thù lao cho hòa giải viên, chi mua tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ công tác hòa giải; thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3. Chi bồi dưỡng người làm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của nông dân: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số... /2026/NQ-HĐND quy định nội dung, mức chi về chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

4. Chi tổ chức hoạt động đối thoại với nông dân: theo Thông tư số 151/2015/TT-BTC về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg.

5. Chi tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức công tác tuyên truyền pháp luật, trợ giúp pháp lý và kỹ năng công tác hòa giải cho cán bộ chuyên trách công tác Hội, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

6. Chi cho các cơ quan, đơn vị thực hiện trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật cho hội viên, nông dân được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật: thực hiện theo quy định tại Luật Trợ giúp pháp lý, Nghị định số 77/2008/NĐ-CP về tư vấn pháp luật và các văn bản hướng dẫn theo mức chi quy định tại Thông tư số 59/2020/TT-BTC hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động trợ giúp pháp lý.

7. Chi thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 07/2026/NQ-HĐND quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

8. Chi khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc về phổ biến, giáo dục pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

9. Chi hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định các cấp: chi văn phòng phẩm, trang thiết bị và các chi phí khác phục vụ trực tiếp Ban Chỉ đạo *(nếu có)*: theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

10. Chi tiền lương làm thêm giờ: thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

11. Chi công tác phí đi kiểm tra, giám sát, chỉ đạo việc thực hiện Quyết định; tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân; nắm tình hình khiếu nại, tố cáo của nông dân, tổ chức đối thoại với nông dân; chi hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp: Chi hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết, hội thảo, tọa đàm của Ban Chỉ đạo; chi tổ chức hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm phổ biến, giáo dục pháp luật; trao đổi kinh nghiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị chuyên đề, hội nghị tập huấn cho cán bộ Hội không chuyên trách ở cơ sở, cộng tác viên, tuyên truyền viên Câu lạc bộ Nông dân với pháp luật, hội nghị tổng kết, sơ kết, triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND quy định chế độ công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

12. Chi biên dịch các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật *(bao gồm cả tiếng dân tộc thiểu số được hiểu là ngôn ngữ không phổ thông)*: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số... /2026/NQ-HĐND quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị quốc tế tại Việt Nam, chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

13. Chi mua, thuê trang thiết bị và một số khoản chi mua, thuê khác phục vụ cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức các hội nghị, hội thảo, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật cho nông dân: căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí bảo đảm hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành; huy động từ các nguồn viện trợ, tài trợ và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.

2. Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi và kinh phí thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phối hợp giữa UBND các cấp với các cấp Hội Nông dân trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII, Kỳ họp thứ 3 (chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Trung ương Hội Nông dân;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 239-CV/HNDT của Hội Nông dân tỉnh về việc thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức chi và kinh phí thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ (*sau đây gọi là dự thảo Nghị quyết*). Sau khi nghiên cứu nội dung của dự thảo Nghị quyết và hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo, trên cơ sở đối chiếu với các quy định có liên quan, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Căn cứ Thông tư số 151/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ trưởng Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân, Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) ban hành Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định mức chi và kinh phí thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phối hợp giữa UBND các cấp với các cấp Hội Nông dân trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 151/2015/TT-BTC, quy định: “*Mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa theo các quy định hiện hành, căn cứ khả năng ngân sách và tình hình thực tế từng địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể mức chi của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, nhưng không được vượt quá mức chi tối đa quy định tại Thông tư này để thực hiện.*”

Điểm d khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh:

“d) Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật;

c) Quyết định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã; dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;”

Điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, quy định HĐND tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: *“Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”*.

Căn cứ quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và các quy định nêu trên; trên cơ sở nội dung tại Mục I của dự thảo Tờ trình, Hội Nông dân tỉnh dự thảo, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND*) là cần thiết, có cơ sở pháp lý.

2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thống nhất với phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết.

II. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với chủ trương, đường lối của Đảng

Dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng quy định mức chi đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh.

III. Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

IV. Nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Trên cơ sở ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 4428/STC-TCHCSN ngày 12/5/2026, ý kiến của Sở Nội vụ tại Văn bản số 3075/SNV-TCBC ngày 12/5/2026 và khoản 1 Mục V dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết đảm bảo nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

Tuy nhiên, đề nghị Hội Nông dân tỉnh lấy ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ để làm rõ dự thảo Nghị quyết đảm bảo việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

V. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị quyết không có nội dung quy định về thủ tục hành chính.

VI. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết

1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày

Dự thảo Nghị quyết cơ bản phù hợp với mẫu số 17 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, để dự thảo văn bản hoàn thiện, thống nhất hơn, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa một số nội dung sau:

a) Tại phần tên gọi của Nghị quyết, đề nghị bỏ dấu ngoặc kép ở phía cuối.

b) Tại phần căn cứ ban hành

- Đề nghị bỏ nội dung “*Tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 151/2015/TT-BTC quy định:*

“Mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa theo các quy định hiện hành, căn cứ khả năng ngân sách và tình hình thực tế từng địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể mức chi của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, nhưng không được vượt quá mức chi tối đa quy định tại Thông tư này để thực hiện”;”.

- Tại dòng “*Xét Tờ trình...*” và dòng “*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết...*”, đề nghị chỉnh sửa tên dự thảo Nghị quyết đảm bảo thống nhất; đồng thời, chỉnh sửa nội dung “*UBND*” thành “*Ủy ban nhân dân*”.

c) Tại Điều 2

- Khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP quy định: “1. Việc viện dẫn văn bản được thực hiện như sau:

a) Đối với văn bản được viện dẫn là luật, pháp lệnh, khi viện dẫn phải ghi đầy đủ tên văn bản và số, ký hiệu của văn bản; đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau tên văn bản, số, ký hiệu của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản sửa đổi, bổ sung; trường hợp được sửa đổi, bổ sung nhiều lần thì từ lần sửa đổi, bổ sung lần thứ hai trở đi chỉ ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản sửa đổi, bổ sung.

Lần viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản; đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau số, ký hiệu của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản;

b) Đối với văn bản khác, khi viện dẫn lần đầu phải ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản và tên gọi của văn bản. Đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau tên gọi của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; trường hợp được sửa đổi, bổ sung nhiều lần thì từ lần thứ hai trở đi chỉ ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản.

Lần viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản; đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau số, ký hiệu của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản.

Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa nội dung liên quan khi viện dẫn văn bản. Chẳng hạn như: Chỉnh sửa nội dung “Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định về mức chi...” thành “Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND quy định về mức chi...”;...

- Tại STT 7 khoản 1, qua theo dõi hiện nay Sở Tài chính đang xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi về chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 66/2017/NQ-HĐND ngày 31/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc áp dụng trực tiếp mức chi về chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh quy định tại Thông tư số 320/2016/TT-BTC ngày 14/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) để tham mưu UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 3 (chuyên đề). Do đó, ở cột mức chi, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc chỉnh sửa thành “Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND quy định nội dung, mức chi về chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Gia Lai”.

Đồng thời, cơ quan soạn thảo chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan để cập nhật, bổ sung số của Nghị quyết, hoàn thiện dự thảo trước khi phát hành văn bản.

d) Tại đoạn cuối của dự thảo Nghị quyết, đề nghị bỏ dấu ngoặc kép và chỉnh sửa dấu “./.” thành dấu chấm.

2. Trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết

Ngày 08/5/2026, UBND tỉnh ban hành Văn bản số 5749/UBND-NNMT đăng ký xây dựng nghị quyết quy định mức chi và kinh phí thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phối hợp giữa Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân trên địa bàn tỉnh Gia Lai và ban hành Tờ trình số 563/TTr-UBND về việc xin chủ trương áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng Nghị quyết.

Trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo theo quy định tại Điều 59a Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

VII. Vấn đề khác

Đề nghị cơ quan soạn thảo đối chiếu dự thảo Tờ trình với dự thảo Nghị quyết để hoàn thiện dự thảo Tờ trình đảm bảo tính chính xác, thống nhất. Chẳng hạn như: Tại phần cơ sở chính trị, pháp lý, đề nghị chỉnh sửa nội dung “*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;*” thành “*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*”; chỉnh sửa nội dung “*Tại điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ...*” thành “*Tại điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ...*”;

VIII. Điều kiện trình dự thảo Nghị quyết

Đề nghị Hội Nông dân tỉnh hoàn thiện các nội dung nêu tại khoản 1 Mục VI Báo cáo này để dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình UBND tỉnh.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh;
- Lãnh đạo Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, NV1.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Như Ý